

<p>10. Kinh Subha (Tu-bà)</p>	<p>10. About Subha - Morality, Concentration, Wisdom (Subha Sutta)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Maurice Walshe)</p>
<p>10. Kinh Subha (Tu-bà) (P. <i>Subha Sutta</i>, H. 須婆經) không có kinh tương đương trong bộ <i>Trường A-hàm</i>, được Tôn giả Ānanda giảng sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tu tập đạo đức, thiền định và trí tuệ.</p>	<p>10. Subha Sutta: About Subha (Morality, Concentration, Wisdom). Shortly after the Buddha's death, Ananda explains the Ariyan morality, concentration and wisdom (as in Sutta 2) to the young Brahmin Subha, who becomes a lay-follower.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Maurice Walshe</p>
<p>Tụng phẩm I</p> <p>1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Đại đức Ānanda ở tại Sāvatti (Xá-vệ), tại rừng Jetavana (Kỳ-đà), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), sau khi đức Thế Tôn nhập diệt không bao lâu.</p> <p>Lúc bấy giờ thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta ở tại Sāvatti vì một vài công việc.</p> <p>2. Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta gọi một thanh niên Bà-la-môn khác:</p> <p>- Này thanh niên Bà-la-môn, hãy đi đến chỗ Sa-môn Ānanda ở, thay mặt ta hỏi thăm Sa-môn Ānanda có ít bệnh ít ão, khinh an, khí lực an ổn:</p> <p>"Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ānanda có ít bệnh ít ão, khinh an, khí lực an ổn", và nói thêm: "Hân hạnh thay, nếu Tôn giả Ānanda có</p>	<p>[204] 1.1. THUS HAVE I HEARD.²²⁵ Once the Venerable Ānanda was staying at Sāvatti, in Jeta's grove, in Anāthapiṇḍika's park, shortly after the Lord's final passing.²²⁶</p> <p>And at that time the youth Subha, Todeyya's son,²²⁷ was staying at Sāvatti on some business.</p> <p>1.2. And Subha said to a certain young man:</p> <p>'Go, my lad, to where the ascetic Ānanda is, ask him in my name if he is in good health, free from fatigue, strong, vigorous and dwelling in comfort, and say: "It would be good if the Reverend Ānanda would, out of compassion, visit the dwelling of Subha the son of Todeyya."</p>

lòng từ mẫn đến tại trú xứ của thanh niên Subha Todeyyaputta".

3. - Tôn giả, xin vâng.

Thanh niên Bà-la-môn vâng lời thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta đến tại chỗ của Tôn giả Ānanda, sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng thân hữu xã giao với Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn ấy nói với Tôn giả Ānanda: "Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ānanda ít bệnh ít nã, khinh an, khí lực an ổn.

Hân hạnh thay, nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta".

4. Khi được nói vậy Tôn giả Ānanda nói với thanh niên Bà-la-môn ấy:

- Nay thanh niên Bà-la-môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi vừa mới uống thuốc. Ngày mai tôi sẽ đến, vừa hợp thời, hợp nghi.

Rồi thanh niên Bà-la-môn ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đến tại chỗ của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta; khi đến xong, liền thưa với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

- Chúng tôi đã thay mặt Tôn giả thưa với Tôn giả Ānanda: "Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Đại đức Ānanda có ít bệnh ít nã, khinh an, khí lực an ổn.

Hân hạnh thay, nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn, Subha Todeyyaputta".

1.3 'Very good, sir', replied the young man. Then he went to the Venerable Ānanda, exchanged courtesies with him, and sat down to one side.

Then he delivered [205] the message.

1.4. The Venerable Ānanda replied:

'It is not the right time, young man. Today I have taken some medicine. Perhaps it will be possible to come tomorrow when the time and the occasion are suitable.'

And the young man rose, returned to Subha and reported what had passed between him and the Venerable Ānanda, adding:

Này Tôn giả, khi được nói vậy Sa-môn Ānanda nói với tôi: "Này thanh niên Bà-la-môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi mới vừa uống thuốc. Ngày mai, tôi sẽ đến, vừa hợp thời hợp nghi".

Này Tôn giả, sự việc đã như vậy, khiến Tôn giả Ānanda đã có cơ hội ngày mai đến.

5. Và Tôn giả Ānanda, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, với vị Tỷ-kheo người xứ Cetiya làm vị Sa-môn tùy hành, đến tại chỗ ở của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta, sau khi đến, liền ngồi tại chỗ đã soạn sẵn.

Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đến trước Tôn giả Ānanda, sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Tôn giả Ānanda, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta nói với Tôn giả Ānanda:

- Tôn giả Ānanda đã lâu ngày là thị giả của Tôn giả Gotama, sống gần và ở một bên Ngài. Tôn giả Ānanda chắc biết Tôn giả Gotama đã tán thán những pháp nào và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy.

Tôn giả Ānanda, những pháp Tôn giả Gotama tán thán là những pháp gì và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy?

6. - Này thanh niên Bà-la-môn, Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. Ba pháp ấy là gì?

Chính là Thánh giới uẩn, Thánh định uẩn, Thánh tuệ uẩn.

'My mission has been thus far accomplished, that the Reverend Ānanda will probably take the opportunity to come tomorrow.'

1.5. And indeed, as that night was ending, the Venerable Ānanda dressed in the early morning, took his robe and bowl and, accompanied by the Venerable Cetaka,²²⁸ came to Subha's dwelling, and sat down on the prepared seat.

Then Subha approached the Venerable Ānanda, exchanged courtesies with him, and sat down to one side. Then he said: [206]

'The Reverend Ānanda was for a long time the Reverend Gotama's personal attendant, dwelling in his presence and near him.

You, Reverend Ānanda, would know what things the Reverend Gotama praised, and with which he aroused, exhorted and established people. Which, Reverend Ānanda, were those things?'

1.6. 'Subha, there were three divisions of things which the Lord praised, and with which he aroused, exhorted and established people. Which three?

The division of Ariyan morality,²²⁹ the division of Ariyan

Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn ấy. Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy.

- Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh giới uẩn, Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy?

7. - Này thanh niên Bà-la-môn, ở đây Như Lai sanh ra đời, vị A-la-hán. Chánh Đẳng Giác...

như vậy này thanh niên Bà-la-môn là Tỷ-kheo đầy đủ giới đức. (Xem kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 40 - 63).

8. - Này thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh giới uẩn Thế Tôn tán thán và Ngài đã khích lệ khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cần phải hành trì?

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda, thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda, Thánh giới uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn;

concentration, and the division of Ariyan wisdom.

These were the three divisions of things which the Lord praised...'

'Well, Reverend Ānanda, what is the division of Ariyan morality which the Reverend Gotama praised ... ?'

1.7 — 29. 'Young sir, a Tathāgata arises in the world, an Arahant, fully-enlightened Buddha, endowed with wisdom and conduct, Well-Farer, Knower of the worlds, incomparable Trainer of men to be tamed, Teacher of gods and humans, enlightened and blessed.

He, having realised it by his own super-knowledge, proclaims this world with its devas, māras and Brahmās, its princes and people.

He preaches the Dhamma which is lovely in its beginning, lovely in its middle, lovely in its ending, in the spirit and in the letter, and displays the fully-perfected and purified holy life.

A disciple goes forth and practises the moralities, etc. (Sutta 2, verses 41 — 63). Thus a monk is perfected in morality.

1.30. 'That is the division of Ariyan morality which the Lord praised... But something more remains to be done.'

'It is wonderful, Reverend Ānanda, it is marvellous! This division of Ariyan morality is perfectly fulfilled, not left incomplete.

Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh giới uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này.

Tôn giả Ānanda, và nếu những Sa-môn, Bà-la-môn khác có thấy Thánh uẩn này tự nơi mình, các vị này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: "Hành trì như vậy là đầy đủ, chứng đạt như vậy là đầy đủ."

Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi, không có gì cao thượng hơn cần phải hành trì nữa!" Nhưng Tôn giả Ānanda còn nói: "Còn pháp uẩn cao thượng hơn cần phải hành trì".

Tụng phẩm II

1. Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh định uẩn, Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo y chỉ mọi người theo pháp ấy?

- Nay thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?... Không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

(xem kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 64 - 76).

13. Nay thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.

Tỷ-kheo thấm nhuần, tầm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm

And I do not see this division of Ariyan morality [207] fulfilled thus anywhere among the ascetics and Brahmins of other schools.

And if any of them were to have found this perfection in themselves, they would have been so delighted that they would have said: "We've done enough!

The goal of our asceticism has been reached! There's nothing more to be done!" And yet the Reverend Ānanda declares that there is more to be done!

[End of first recitation-section]

2.1. 'Reverend Ānanda, what is the division of Ariyan concentration which the Reverend Gotama praised... ?'

2.2 — 18. 'And how is a monk guardian of the sense-doors?'

He guards the sense-doors and attains the four jhānas (Sutta 2, verses 64 — 82). This comes to him through concentration. [208]

nhuần. Đó là thiền định của vị ấy.

14. Nay thanh niên Bà-la-môn, lại nữa Tỷ-kheo ấy diệt tâm diệt tứ... thắm nhuần.

(xem kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 77-78)...

Đó là thiền định của vị ấy.

16. Lại nữa, nay thanh niên Bà-la-môn, ly hỷ trú xả... thắm nhuần. (Xem kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 79-82)... Đó là thiền định của vị ấy.

19. Nay thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh định uẩn Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cần phải hành trì.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Thánh định uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn;

Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh định uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này.

Tôn giả Ānanda, và nếu những Sa-môn khác có thấy Thánh định uẩn này tự nơi mình, các vị này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: "Hành trì như vậy là đầy đủ.

Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi. Không còn gì cao thượng hơn cần phải hành trì nữa". Nhưng Tôn giả Ānanda còn nói: "Còn pháp uẩn cao thượng hơn cần phải hành trì".

2.19. 'That is the division of Ariyan concentration which the Lord praised ... But something more remains to be done.'

'It is wonderful, Reverend Ānanda, it is marvellous! This division of Ariyan concentration is perfectly fulfilled, not left incomplete.

And I do not see this division of Ariyan concentration fulfilled thus anywhere among the ascetics and Brahmins of other schools.

And if any of them were to have found this perfection in themselves, they would have been so delighted that they would have said: "We've done enough!

The goal of our asceticism has been reached! There's nothing more to be done!" And yet the Reverend Ānanda declares that there is more to be done!

20. Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh tuệ uẩn, Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy?

- Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm... và bị trói buộc (xem kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 83-84).

22. Này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến, vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta nương tựa và bị trói buộc". Đó là trí tuệ của vị ấy.

23. Với tâm định tĩnh... không thiếu một căn nào (xem kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 85-86). Đó là trí tuệ của vị ấy.

25. Với tâm định tĩnh... Sau đời sống hiện tại, không có đời sống nào khác nữa (xem kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 87-98).

36. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đưa đến lậu tận trí.

Vị ấy tuệ tri như thật: "Đây là khổ", Tuệ tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt khổ", tuệ tri như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", tuệ tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", tuệ tri như thật:

2.20. 'Reverend Ānanda, what is the division of Ariyan wisdom which the Reverend Gotama praised?'

2.21 — 22. 'And so, with mind concentrated *he attains various insights (Sutta 2, verses 83 — 84)*. That is known to him by wisdom.

2.23 — 36. '*He realises the Four Noble Truths, the path and the cessation of the corruptions (Sutta 2, verses 85 — 97)*. And he knows: "... There is nothing further here."

"Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc",

nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu.

Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". Đó là trí tuệ của vị ấy.

37. Này thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh tuệ uẩn, Thế Tôn tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Không còn pháp nào cao thượng hơn cần phải hành trì.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda, thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Tôn giả Ānanda, Thánh tuệ uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn.

Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh tuệ uẩn viên mãn này ở những Sa-môn, Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Không còn pháp nào cao thượng hơn cần phải hành trì. Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda!

Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.

Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích.

2.37. 'That is the division of Ariyan wisdom which the Lord praised, with which he aroused, exhorted and established people. Beyond that there is nothing to be done.' [210]

'It is wonderful, Reverend Ānanda, it is marvellous! This division of Ariyan wisdom is perfectly fulfilled, not left incomplete.

And I do not see this division of Ariyan wisdom fulfilled thus anywhere among the ascetics and Brahmins of other schools. And there is nothing further to be done!

Excellent, Reverend Ānanda, excellent! It is as if someone were to set up what had been knocked down, or to point out the way to one who had got lost, or to bring an oil-lamp into a dark place, so that those with eyes could see what was there.

Just so the Reverend Ānanda has expounded the Dhamma in various ways.

Tôn giả Ānanda, con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp, và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng.

Mong Tôn giả Ānanda nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy nương.

‘Reverend Ānanda, I go for refuge to the Lord Gotama, the Dhamma and the Sangha.

May the Reverend Ānanda accept me as a lay-follower who has taken refuge from this day forth as long as life shall last!’

Notes

The numbers in square brackets [] in the actual text refer to the page number of the *Dīgha Nikāya* of the Pali Text Society's edition in Pali.

225. We may wonder slightly, as RD does, why this is included as a separate Sutta, consisting as it does of little more than the corresponding passages in DN 2. But repetitiveness was never regarded by the early redactors of the Canon as a bar to inclusion, and this was no doubt independently preserved as an account of Subha's conversion. RD points out that the three heads here are given as *sīla*, *samādhī* and *paññā*, which we render (somewhat differently from RD) as morality, concentration and wisdom. RD also states that the term *samādhī* is not found in any pre-Buddhist text. To his remarks on the subject should be added that its subsequent use in Hindu texts to denote the state of enlightenment is not in conformity with Buddhist usage, where the basic meaning of concentration is expanded to cover ‘meditation’ in general.

226. Chronology is of little account in this Nikāya. The Buddha's final passing is narrated in DN 16.

227. A Brahmin, whose name means ‘man of Tudi’.

228. Like Todeyya, he is named after his birthplace in the Cetiya country.

229. *Sīlakkhandha*. This is also the name of the first of the three divisions of this Nikāya, but the other two do not conform to the same pattern.